

Số: /BC-SKHCN

An Giang, ngày tháng 01 năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Quy định hỗ trợ thúc đẩy hoạt động chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 71/2019/QĐ-UBND (được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 16/2023/QĐ-UBND)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh

I. Bối cảnh, mục đích và phạm vi báo cáo

Thực hiện Quyết định số 71/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quy định hỗ trợ thúc đẩy hoạt động chuyển giao, ứng dụng và đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh An Giang (sau đây gọi tắt là Quyết định 71) và Quyết định số 16/2023/QĐ-UBND ngày 15/8/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định 71, Sở Khoa học và Công nghệ đã chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và địa phương tổ chức triển khai thực hiện các nội dung hỗ trợ theo quy định.

Báo cáo được xây dựng nhằm tổng kết, đánh giá khách quan kết quả thực hiện Quyết định 71 trong thời gian qua; làm rõ những kết quả đạt được, những hạn chế, khó khăn và nguyên nhân; qua đó làm cơ sở thực tiễn phục vụ công tác tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, định hướng rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ hoạt động chuyển giao, ứng dụng và đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn tiếp theo.

Nội dung Báo cáo được xây dựng trên cơ sở kế thừa và cập nhật Báo cáo số 27/BC-SKHCN ngày 03/01/2025 của Sở Khoa học và Công nghệ An Giang về kết quả thực hiện Quyết định 71 hỗ trợ thúc đẩy hoạt động chuyển giao, ứng dụng và đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2019 - 2024; đồng thời tổng hợp, bổ sung tình hình triển khai và số liệu thực hiện từ năm 2024 đến thời điểm báo cáo, nhằm bảo đảm tính liên tục, đầy đủ và thống nhất của thông tin.

Phạm vi Báo cáo tập trung đánh giá công tác tổ chức triển khai và kết quả thực hiện các nội dung hỗ trợ theo Quyết định 71; không đi sâu phân tích, so sánh hoặc đánh giá chi tiết hiệu quả kinh tế - kỹ thuật của từng công nghệ, thiết bị cụ thể, mà tập trung làm rõ hiệu quả tổng thể của chính sách.

II. Tình hình tổ chức triển khai thực hiện

Sau khi Quyết định 71 được ban hành, Sở Khoa học và Công nghệ đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện; đồng thời chủ động phối hợp với các sở, ngành và địa phương liên quan hướng dẫn các tổ chức, cá nhân tiếp cận và thực hiện chính sách hỗ trợ theo đúng quy định.

Công tác tuyên truyền, phổ biến nội dung Quyết định 71 được thực hiện thông qua các hội nghị, văn bản hướng dẫn, cổng thông tin điện tử và các kênh thông tin chuyên ngành, qua đó từng bước nâng cao mức độ nhận biết, khả năng tiếp cận và tham gia chính sách của doanh nghiệp, hợp tác xã và cơ sở sản xuất trên địa bàn tỉnh.

Quá trình tiếp nhận, thẩm định và triển khai hỗ trợ được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định; bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đúng mục tiêu và phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực ngân sách.

III. Kết quả thực hiện Quyết định 71

Trong giai đoạn từ năm 2019 đến năm 2025, Sở Khoa học và Công nghệ đã tiếp nhận tổng cộng 22 hồ sơ đề xuất hỗ trợ đổi mới công nghệ theo Quyết định 71. Qua thẩm định, có 20 dự án đủ điều kiện được phê duyệt triển khai (*phụ lục đính kèm*), trong đó 13 dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Sở Khoa học và Công nghệ theo phân cấp và 07 dự án trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Ngoài ra, có 02 hồ sơ xin dừng thực hiện trong giai đoạn chuẩn bị do phát sinh khó khăn khách quan và đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

Tổng kinh phí thực hiện các dự án được phê duyệt đạt khoảng 64,27 tỷ đồng, trong đó kinh phí hỗ trợ từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ là 9,29 tỷ đồng, chiếm khoảng 14,45% tổng vốn thực hiện; phần còn lại là vốn đối ứng của doanh nghiệp, hợp tác xã và các tổ chức thụ hưởng. Tỷ lệ vốn đối ứng ở mức cao cho thấy chính sách đã phát huy vai trò “vốn môi”, tạo động lực khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp chủ động huy động nguồn lực đầu tư đổi mới công nghệ.

Các dự án hỗ trợ tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản và công nghiệp chế biến. Thông qua việc đầu tư đổi mới thiết bị, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và cải tiến quy trình sản xuất, việc triển khai Quyết định 71 đã góp phần nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất, tiết kiệm chi phí, giảm lao động thủ công và nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên trong nhiều mô hình ứng dụng công nghệ. Đồng thời, chính sách đã hỗ trợ hình thành và từng bước nhân rộng các mô hình, dự án ứng dụng và đổi mới công nghệ tiêu biểu, qua đó thể hiện rõ hiệu quả thực tiễn và tính phù hợp của Quyết định 71, được minh chứng cụ thể thông qua các dự án, mô hình tiêu biểu trình bày dưới đây.

Tiêu biểu trong lĩnh vực nông nghiệp là dự án ứng dụng thiết bị bay không người lái trong sản xuất lúa tại Hợp tác xã Sơn Hòa, huyện Thoại Sơn, góp phần từng bước đưa công nghệ tự động hóa vào sản xuất nông nghiệp. Mô hình giúp nâng cao hiệu suất lao động (hiệu suất phun thuốc tăng khoảng 44 lần, rải phân tăng khoảng 6,78 lần so với phương pháp thủ công), đồng thời giảm chi phí nhân công, giảm lượng thuốc bảo vệ thực vật sử dụng và hạn chế tác động tiêu cực đến môi trường, phù hợp với định hướng phát triển nông nghiệp bền vững của tỉnh.

Trong lĩnh vực chăn nuôi, dự án hoàn thiện quy trình nuôi gà đẻ Isa Brown theo chuỗi khép kín tại huyện Châu Phú đã áp dụng đồng bộ các giải pháp kỹ thuật về con giống, dinh dưỡng, quản lý chuồng trại và an toàn sinh học. Kết quả cho thấy tỷ lệ sống của đàn gà đạt trên 94%, sản lượng trứng ổn định, chất lượng sản

phẩm bảo đảm yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm; qua đó góp phần giảm chất thải, tiết kiệm tài nguyên và nâng cao hiệu quả sản xuất chăn nuôi theo hướng bền vững.

Đối với lĩnh vực thủy sản, dự án cải tiến và hoàn thiện quy trình sản xuất giống cá heo (*Botia modesta* Bleeker, 1865) đã làm chủ được quy trình kỹ thuật, với tỷ lệ thành thực đạt khoảng 88,4%, tỷ lệ thụ tinh 78%, tỷ lệ nở 76% và tỷ lệ sống sau 60 ngày đạt trên 70%. Dự án góp phần giảm áp lực khai thác nguồn lợi tự nhiên, sử dụng hiệu quả tài nguyên nước và đa dạng hóa đối tượng nuôi có giá trị kinh tế tại địa phương.

Trong lĩnh vực trồng trọt, dự án ứng dụng và hoàn thiện quy trình xử lý ra hoa nghịch vụ cho cây sầu riêng Ri6 và Dona mang lại hiệu quả kinh tế rõ rệt, với tỷ lệ ra hoa cao (Ri6 đạt khoảng 94%, Dona đạt khoảng 90%), năng suất tăng và lợi nhuận cao hơn mô hình đối chứng từ trên 200 triệu đến hơn 300 triệu đồng/ha/vụ. Mô hình góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đất, nước và gia tăng giá trị sản xuất nông nghiệp theo hướng bền vững.

Bên cạnh đó, dự án “Hỗ trợ công nhận lưu hành giống lúa được chọn tạo ở tỉnh An Giang” kế thừa kết quả giai đoạn 2015 - 2019, tiếp tục đánh giá, khảo nghiệm các giống, dòng lúa do nông dân trong tỉnh chọn tạo theo các tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế. Kết quả đã lựa chọn 05 giống lúa để đăng ký khảo nghiệm và bảo hộ, trong đó 01 giống được công nhận lưu hành và 04 giống được cấp bằng bảo hộ, tạo tiền đề quan trọng cho việc phát triển và thương mại hóa giống lúa bản địa có chất lượng, giá trị kinh tế cao.

Ngoài các dự án tiêu biểu nêu trên, trong quá trình triển khai Quyết định 71 còn có nhiều dự án, mô hình khác đã phát huy hiệu quả tích cực, góp phần cải tiến quy trình sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và hiệu quả sử dụng nguồn lực tại các doanh nghiệp, hợp tác xã và cơ sở sản xuất trên địa bàn tỉnh. Các kết quả này tiếp tục khẳng định tính phù hợp và tác động lan tỏa của chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ trong thực tiễn.

Nhìn chung, các dự án được hỗ trợ thực hiện theo Quyết định 71 đều bám sát mục tiêu, đối tượng và nội dung hỗ trợ của chính sách, cho thấy Quyết định 71 đã phát huy hiệu quả trong việc hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã và cơ sở sản xuất tiếp cận, ứng dụng và từng bước làm chủ công nghệ, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hiệu quả sử dụng tài nguyên và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo hướng bền vững. Thông qua chính sách hỗ trợ, nhiều doanh nghiệp đã hình thành tư duy tiếp cận công nghệ theo hướng chủ động, có kế hoạch và phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị.

Bên cạnh đó, theo kết quả nghiên cứu của đề tài khoa học cấp tỉnh do Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh chủ trì, TS. Ngô Hoàng Thảo Trang làm chủ nhiệm, tốc độ tăng trưởng năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) của tỉnh An Giang giai đoạn 2011 - 2022 đạt trung bình 4,42%/năm, trong đó mức đóng góp của TFP vào tăng trưởng kinh tế năm 2022 đạt 53,8%. Kết quả nghiên cứu này cho thấy vai trò ngày càng rõ nét của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong tăng trưởng kinh tế của tỉnh, qua đó phản ánh gián tiếp những tác

động tích cực của chuỗi chính sách hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ, trong đó có Quyết định 71, đối với việc nâng cao chất lượng tăng trưởng và hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

IV. Đánh giá chung kết quả thực hiện

1. Kết quả đạt được

Việc triển khai Quyết định 71 đã góp phần hình thành và duy trì ổn định hành lang pháp lý, cơ chế hỗ trợ cho hoạt động chuyển giao, ứng dụng và đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh An Giang trong nhiều năm qua. Thông qua các nội dung hỗ trợ được triển khai, chính sách đã phát huy hiệu quả rõ rệt trong việc khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư đổi mới thiết bị, cải tiến quy trình sản xuất, từng bước nâng cao năng lực công nghệ, năng suất lao động và chất lượng sản phẩm.

Thực tiễn triển khai cho thấy Quyết định 71 đã đóng vai trò là công cụ hỗ trợ trực tiếp, thiết thực, góp phần thúc đẩy doanh nghiệp mạnh dạn tiếp cận, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ phù hợp với điều kiện sản xuất, kinh doanh của từng đơn vị; đồng thời tạo động lực huy động nguồn lực xã hội đầu tư cho đổi mới công nghệ thông qua cơ chế hỗ trợ có tính “vốn môi” từ ngân sách nhà nước.

Bên cạnh tác động đối với khu vực doanh nghiệp và cơ sở sản xuất, quá trình tổ chức thực hiện Quyết định 71 cũng giúp các cơ quan quản lý nhà nước tích lũy kinh nghiệm thực tiễn trong công tác tham mưu, tổ chức triển khai và quản lý chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ, tạo nền tảng quan trọng cho việc rà soát, điều chỉnh và hoàn thiện cơ chế, chính sách trong giai đoạn tiếp theo.

2. Hạn chế, khó khăn

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc triển khai Quyết định 71 vẫn còn một số hạn chế nhất định. Nội dung hỗ trợ còn tập trung chủ yếu vào đầu tư thiết bị và cải tiến quy trình sản xuất, chưa bao quát đầy đủ các khâu của quá trình đổi mới công nghệ theo chiều sâu, như tự động hóa tổng thể, số hóa quản trị, tiêu chuẩn hóa sản phẩm, phát triển tài sản trí tuệ và thương mại hóa kết quả công nghệ.

Một số doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, còn gặp khó khăn trong việc tiếp cận chính sách do hạn chế về năng lực tài chính, khả năng đối ứng vốn và trình độ quản trị công nghệ. Đồng thời, trong bối cảnh yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ngày càng cao, một số quy định cụ thể của chính sách hiện hành chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn và định hướng phát triển trong giai đoạn mới, đòi hỏi phải được rà soát, điều chỉnh cho phù hợp.

3. Nhận định chung

Nhìn chung, Quyết định 71 đã phát huy vai trò tích cực và đạt được những kết quả thực chất trong suốt quá trình triển khai, góp phần thúc đẩy hoạt động chuyển giao, ứng dụng và đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, trước yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới và sự điều chỉnh của hệ

thống pháp luật, chính sách cần được rà soát, cập nhật và hoàn thiện để bảo đảm tính phù hợp, đồng bộ và hiệu quả khi tiếp tục triển khai trong thời gian tới.

V. Bài học kinh nghiệm

Từ thực tiễn triển khai Quyết định 71, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm chủ yếu như: chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ cần có tính ổn định, kế thừa và dự báo dài hạn; nội dung hỗ trợ phải bám sát nhu cầu thực tế của doanh nghiệp và điều kiện của địa phương; đồng thời tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong quá trình tổ chức thực hiện để nâng cao hiệu quả chính sách.

VI. Định hướng hoàn thiện cơ chế, chính sách

Trong bối cảnh hệ thống pháp luật có sự điều chỉnh, đặc biệt là Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi năm 2025), việc tiếp tục áp dụng các quy định mang tính quy phạm do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành cần được rà soát, đánh giá thận trọng, bảo đảm phù hợp với thẩm quyền, hình thức và trình tự ban hành văn bản theo quy định mới.

Bên cạnh yêu cầu về pháp lý, việc hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng và đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh cần được đặt trong tổng thể các chủ trương, định hướng lớn của Trung ương và của tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Trong đó, Chương trình hành động số 06-CTr/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh An Giang là căn cứ chính trị quan trọng, định hướng cho việc xây dựng và hoàn thiện chính sách.

Trên cơ sở kết quả thực hiện Quyết định 71, yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới và các căn cứ nêu trên, việc nghiên cứu xây dựng chính sách hỗ trợ mới cho giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2035 là cần thiết, nhằm kế thừa các nội dung còn phù hợp, đồng thời bổ sung các cơ chế hỗ trợ gắn với nâng cao năng lực đổi mới công nghệ của doanh nghiệp, thúc đẩy tự động hóa, chuyển đổi số và phát triển các ngành kinh tế trọng điểm của tỉnh.

VII. Kết luận và kiến nghị

Qua tổng kết kết quả thực hiện Quyết định 71 về hỗ trợ thúc đẩy hoạt động chuyển giao, ứng dụng và đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh An Giang cho thấy, việc triển khai Quyết định 71 trong thời gian qua đã đạt được những kết quả nhất định, góp phần thúc đẩy hoạt động đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp và cơ sở sản xuất; từng bước nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hiệu quả sản xuất - kinh doanh, nhất là trong các lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản và công nghiệp chế biến.

Bên cạnh những kết quả đạt được, trước yêu cầu phát triển mới của tỉnh, sự phát triển nhanh chóng của khoa học và công nghệ, cùng với những thay đổi của hệ thống pháp luật có liên quan, một số nội dung của Quyết định 71 hiện nay không còn phù hợp với yêu cầu và điều kiện thực tiễn triển khai. Do đó, việc nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ theo hướng đồng bộ, thống nhất, khả thi và hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong giai đoạn tới là cần thiết.

Trên cơ sở tổng kết kết quả thực hiện Quyết định 71, đánh giá những tồn tại, hạn chế và định hướng hoàn thiện cơ chế, chính sách trong thời gian tới, Sở Khoa học và Công nghệ kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chấp thuận chủ trương giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương và cơ quan liên quan nghiên cứu, tham mưu xây dựng Chính sách ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2035, theo đúng thẩm quyền và quy định của pháp luật, làm cơ sở tổ chức xây dựng và trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết trong thời gian tới.

Trên đây là Báo cáo kết quả tổng kết việc thực hiện Quyết định 71 về hỗ trợ thúc đẩy hoạt động chuyển giao, ứng dụng và đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh An Giang; kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND xã, phường, đặc khu;
- Giám đốc, Phó Giám đốc Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, P.PTCN&ĐMST

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Quốc Cường

Phụ lục

Danh sách các dự án được hỗ trợ triển khai thực hiện theo Quyết định số 71/2019/QĐ-UBND ngày 23/12/2019

(Kèm theo Báo cáo số/BC-SKHCN ngày .../01/2026 của Sở Khoa học và Công nghệ)

TT	Tên dự án	Chủ nhiệm - Đơn vị chủ trì	Tổng kinh phí (đồng)	Nguồn sự nghiệp KH&CN (đồng)	Nguồn xã hội hóa (đồng)	Thời gian thực hiện
1	Ứng dụng hệ thống chuồng kín trong chăn nuôi gà thịt an toàn sinh học tại huyện Châu Phú	Ông Phạm Trung Hiền - Trang trại chăn nuôi gà Tam Hoàng	6.330.650.500	283.139.000	6.047.511.500	4/2019-3/2020, gia hạn đến tháng 09/2020
2	Sản xuất thử nghiệm giống dưa lưới Sakura trong nhà màng sử dụng hệ thống tưới nhỏ giọt	Bà Lê Thị Lệ Quyên - Trạm Trồng trọt và BVTV TP. Long Xuyên	462.336.000	294.728.500	167.607.500	4/2019-4/2020, gia hạn đến tháng 10/2020
3	Xây dựng mô hình sản xuất xoài ba màu có quy mô 500 ha đạt tiêu chuẩn VietGAP gắn với chuỗi tiêu thụ sản phẩm	TS. Võ Hữu Thoại - Viện Cây ăn quả miền Nam	29.358.042.000	2.699.780.000	26.658.262.000	3/2018-2/2020, gia hạn đến tháng 8/2020
4	Xây dựng mô hình trồng thử nghiệm trồng cam xoàn theo hướng VietGAP điều khiển từ smartphone tại huyện An Phú	Khru Minh Hiên - Trung tâm Công nghệ sinh học	448.358.000	182.358.000	266.000.000	4/2018-3/2020, gia hạn đến tháng 9//2021
5	Sản xuất thử nghiệm trồng dưa lưới thủy canh ứng dụng công nghệ cao tại thành phố Long Xuyên tỉnh An Giang	Nguyễn Thanh Long - Cty TNHH MTV 0207	813.667.440	212.507.000	601.160.440	9/2019-8/2020

6	Sản xuất rau thủy canh VietGAP tại thành phố Long Xuyên	Bà Nguyễn Thị Mai Khương - Trạm Trồng trọt và BVTV TP. Long Xuyên	921.572.100	256.245.000	665.327.100	12/2019-11/2020, gia hạn đến tháng 5/2021
7	Ứng dụng hệ thống tưới tự động trong mô hình trồng dâu tằm lấy quả đạt tiêu chuẩn VietGAP tại huyện Phú Tân	Bà Lê Thị Thảo - Cơ sở hộ kinh doanh Ngọc Thái	889.635.000	212.582.500	677.052.500	12/2019-11/2021
8	Ứng dụng quy trình sản xuất giống cá chạch lấu (<i>Mastacembelus favus</i>) theo quy mô nông hộ	ThS. Ngô Thị Hạnh - Trung tâm giống thủy sản An Giang	1.040.379.000	503.341.000	537.038.000	3/2020-8/2021, gia hạn đến tháng 11/2021
9	Ứng dụng thiết bị gieo hạt theo bụi vào sản xuất lúa tại huyện Tri Tôn, Tịnh Biên và Thoại Sơn tỉnh An Giang	KS. Lê Ngọc Linh - Trung tâm Khuyến nông An Giang	923.299.000	159.799.000	763.500.000	3/2020-12/2020, gia hạn đến tháng 6/2021
10	Ứng dụng, đổi mới công nghệ máy sàng lồng quay trong sản xuất phân bón	Ông Đặng Hoàng Quá - Công ty TNHH MTV TM&SX phân bón Thuận Mùa	720.000.000	162.500.000	557.500.000	3/2020-7/2020
11	Ứng dụng hệ thống điện mặt trời vào hoạt động của trụ sở ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và khu vực phát triển đô thị tỉnh An Giang	KS. Lê Phước Tâm Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và khu vực phát triển đô thị tỉnh An Giang	991.928.380	224.958.000	766.970.380	6/2020-12/2020

12	Nhân rộng mô hình nhà màng ứng dụng công nghệ tưới nhỏ giọt vào sản xuất dưa lưới TL3 tại thành phố Châu Đốc	KS. Hồ Hữu Hưng Trạm Trồng trọt và BVTV Tp. Châu Đốc	3.116.512.000	452.812.800	2.663.699.200	03/2020-02/2021
13	Nhân rộng mô hình trồng nấm rơm từ nguyên liệu 50% rơm phối trộn 50% lục bình	KS. Lương Mỹ Phuong Trạm Khuyến nông Phú Tân	869.725.000	287.367.000	582.358.000	6/2020-5/2021
14	Hỗ trợ công nhận lưu hành giống lúa được chọn tạo ở tỉnh An Giang	PGS. TS. Huỳnh Quang Tín - Trường Đại học Cần Thơ	2.106.060.000	1.630.060.000	476.000.000	01/2022-01/2025, gia hạn đến tháng 1/2026
15	Thử nghiệm xây dựng mô hình sản xuất giống cá cóc (<i>Cycocheilichthys enoplos</i> Bleeker 1850) tại An Giang	ThS. Tăng Hoàng Vinh - Trung tâm Giống Thủy sản An Giang	932.545.000	481.669.000	450.876.000	02/2022-5/2023, gia hạn đến tháng 11/2023
16	Ứng dụng thiết bị bay không người lái phục vụ sản xuất lúa tại Hợp tác xã nông nghiệp Sơn Hòa	CN Phan Thành Bắc - Hợp tác xã nông nghiệp Sơn Hòa	641.141.600	169.641.600	471.500.000	07/2022-04/2023
17	Ứng dụng dây chuyền phối trộn tự động vào quy trình sản xuất phân bón vô cơ của Công ty cổ phần Hóa Nông An Giang	KS. Nguyễn Văn Nều - Công ty cổ phần Hóa Nông An Giang	1.798.681.000	294.641.000	1.504.040.000	7/2022-6/2023
18	Cải tiến và hoàn thiện quy trình sản xuất giống cá heo (<i>Botia modesta</i> Bleeker, 1865) tại tỉnh An Giang	ThS. Nguyễn Minh Thư - Trung tâm Giống thủy sản tỉnh An Giang	769.093.500	383.475.100	385.618.400	02/2024-07/2025

19	Thử nghiệm mô hình nuôi gà Isa Brown đẻ trứng tại huyện Châu Phú	ThS. Phạm Thành Vũ - Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao An Tâm	11.548.996.600	342.463.400	11.206.533.200	02/2024-4/2025
20	Ứng dụng và hoàn thiện quy trình xử lý ra hoa nghịch vụ cho cây sầu riêng Ri 6 và Dona tại tỉnh An Giang	ThS. Trần Ngọc Phương Anh - Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ	402.227.000	268.756.000	133.471.000	05/2024-04/2025

Tổng cộng: 20 dự án./.